

_ **Chất Đa La Cấp Đa** (Citra-gupta)
 Trụ **Chất Đê Mục Khê** (Citemukha)
 _ Dược Xoa **Bạc Câu La** (Vakula)
 Trụ ở thành **Vương Xá** (Rājagrha)
 Tùy tùng kèm quyền thuộc
 Có sức Uy Thần lớn
 _ Dược Xoa **Đại Tiểu Hắc** (Kālopakālakau)
 Trụ thành **Kiếp Bỉ La** (Kapila)
 Là **Thích Tộc Mâu Ni**
 Nơi sinh của Đại Sư
 _ Đại Dược Xoa **Ban Túc** (Kalmāṣapāda)
 Trụ thành **Phệ La Gia** (Vairāyā)
 _ Dược Xoa **Ma Ê Thủ** (Maheśvara)
 Trụ nước **Chỉ La Đa** (Virāta)
 _ **Vật Sa Ha Bát Để** (Bṛhaspati)
 Trụ ở thành **Xá Vệ** (Śrāvastī)
 _ Dược Xoa **Sa Lê La** (Sāgara)
 Trụ xứ **Sa Kê Đa** (Sāketa)
 _ Dược Xoa **Kim Cương Trượng** (Vajra-yudha)
 Trụ nước **Tỳ Xá Ly** (Vaisālī)
 _ **Ha Lý Băng Nghiệt La** (Haripīṅgala)
 Trụ trong thành **Lực Sĩ** (Malla)
 _ Dược Xoa Vương **Đại Hắc** (Mahā-kāla)
 Nước **Bà La Noa Tư** (Bārānaṣī)
 _ Dược Xoa tên **Thiện Hiện** (Sudarśana)
 Trụ ở thành **Chiêm Ba** (Campā)
 _ Dược Xoa **Phệ Sử Nô** (Viṣṇu)
 Trụ tại nước **Đọa La** (Dhvārakā)
 _ Dược Xoa **Đà La Nê** (Dhāraṇī, ? Varuṇa)
 Trụ ở nước **Hộ Môn** (Dhvārapāli)
 _ Dược Xoa **Khả Úy Hình** (Vibhīgaṇa)
 Trụ ở nước **Đồng Sắc** (Tāmraparṇī)
 _ Dược Xoa **Mạt Đạt Na** (Marddana)
 Trụ thành **Ô Lạc Ca** (Uragā)
 _ Tướng **Ha Tra Bạc Câu** (Āṭavaka)
 Trụ trong rừng hoang vắng
 _ Dược Xoa **Kiếp Bỉ La** (Kapila)
 Trụ ở thành **Đa Đạo** (Bahudhānyaka)
 _ Đại Dược Xoa **Hộ Thế** (Vasutrāta)
 Trụ nước **Ốt Thệ Ni** (Urjayanī)
 _ Thần **Vật Tô Bộ Để** (?Vasubhuti)
 Trụ **A La Vãn Đê** (Aravanti)
 _ Dược Xoa Thần **Thủy Thiên** (Bharuka)
 Nước **Bà Lô Yết Thủ** (Bharukaccha)
 _ Đại Dược Xoa **Hoan Hỷ** (Nanda)
 Trụ ở thành **Hoan Hỷ** (Nandapura)
 _ Dược Xoa Thần **Trì Man** (Mālya-dhara)
 Trụ tại nước **Thắng Thủy** (Agrodaka)

_ Dục Xoa **A Nan Đà** (Ānanda)
 Nước **Mạt La Bát Tra** (Maraparvata)
 _ Dục Xoa **Bạch Nha Xỉ** (Śukra-damṣṭra)
 Trụ ở thành **Thắng Diệu** (Suvāstu)
 _ Dục Xoa **Kiên Cố Danh** (Dṛdha-nāma)
 Trụ nước **Mạt Sa Đễ** (Manasvi)
 _ Dục Xoa Vương **Đại Sơn** (Mahāgiri)
 Trụ tại xứ **Sơn Thành** (Girinagara)
 _ Dục Xoa **Bà Táp Bà** (Vāsava)
 Cư trú **Phệ Nễ Thế** (Vaidiśa)
 _ Dục Xoa **Yết Đễ Kê** (Kārttikaya)
 Trụ nước **Lô Hứ Đa** (Rohitaka)
 _ Dục Xoa **Đồng Tử** (Kumāra) này
 Nổi tiếng ở Đại Thành
 _ Đại Dục Xoa **Bách Tỷ** (Śatabāhu)
 Trụ tại núi **Tần Đà**
 _ Dục Xoa Thần **Quảng Xa** (Bṛhadratha)
 Trụ nước **Yết Lăng Già** (Kaliṅga)
 _ Dục Xoa **Năng Chinh Chiến** (Duryodhana)
 Nước **Tốt Lộc Cận Na** (Śrughna)
 _ Đại Dục Xoa **Hùng Mãnh** (Arjuna)
 Trụ rừng **Át Tổ Na** (Arjunāvana)
 _ Dục Xoa **Mạn Noa Ba** (Maṇḍapa)
 Trụ nước **Mạt Đạt Na** (Marddana)
 _ Dục Xoa Thần **Sơn Phong** (Girikūṭa)
 Trụ ở **Ma Lạp Bà** (Mārava)
 _ Dục Xoa **Lỗ Nại La** (Rudra, ?Bhadra)
 Ăn **Lô Hứ Đa Mã** (Rohitaka)
 _ Dục Xoa **Nhất Thiết Thực** (Sarvabhadra)
 Trụ ở **Xa Yết La** (Śālaka)
 _ Thần **Ba Lợi Đắc Ca** (Pālītaka)
 Trụ **Thiếu Trí Lạc Kê** (Sautīraka)
 _ **Thương Chủ** (Sārthavāha), **Tài Tự Tại** (Dhaneśvara)
 Trụ tại nước **Nan Thắng** (Ajītaṃjaya)
 _ **Phong Nha** (Kūṭa-damṣṭra) với **Thế Hiền** (Vasubhadra)
 Nước **Bạt Sa Đễ Gia** (Vasanti)
 _ Dục Xoa Vương **Thi Bà** (Śiva)
 Trụ thành **Thực Thi Bà** (Śivapura)
 _ Dục Xoa **Tịch Tĩnh Hiền** (Śivabhadra)
 Trụ tại nước **Khả Úy** (Bhīṣaṇa)
 _ Dục Xoa **Nhân Đà La** (Indra)
 Trụ nước **Nhân Đà La** (Indrapura)
 _ Dục Xoa Chủ **Hoa Tràng** (Puṣpa-ketu)
 Trụ ở thành **Tịch Tĩnh** (Silāpura)
 _ Dục Xoa **Na Lỗ Ca** (Dāruka)
 Trụ thành **Na Lỗ Ca** (Dārukapura)
 _ Dục Xoa **Kiếp Bỉ La** (Kapila)
 Thường trụ tại **Áp Thành** (Valla)

_ **Bảo Hiên** (Mañibhadra) với **Mãn Hiên** (Pūrṇabhadra)
 Trụ **Phạm Ma Phật Đế** (Brahmavatī)
 _ Dược Xoa **Năng Tồi Tha** (Pramardana)
 Trụ nước **Kiến Đà La** (Gandhāra)
 _ Đại Dược Xoa **Năng Hoại** (Prabhañjana)
 Trụ **Đắc Xoa Thi La** (Takṣa-sīlā)
 _ Dược Xoa Thần **Lư Bì** (Kharaposta)
 Trụ ngay ở **Thổ Sơn** (Daśa-sāila)
 _ Dược Xoa Chủ **Tam Mật** (Triguṣṭa, ?Triguḥya)
 Bên sông **A Nỗ Ba** (Hanumātīra)
 _ Dược Xoa **Phát Quang Minh** (Prabhrkara)
 Trụ thành **Lô Lộc Ca** (Raurka)
 _ Dược Xoa Thần **Hỷ Trường** (Nandivardana)
 Trụ nước **Hứ Ngung Tồi**
 _ Dược Xoa **Bà Dĩ Lô** (Vāpīla)
 Trụ ở đất **Bà Dĩ** (Vāpibhūmi)
 _ Dược Xoa **Ái Đấu Tranh** (Kalahapriya)
 Trụ tại thành **Lạm Ba** (Lampāka)
 _ Dược Xoa **Nghiệt Đạp Bà** (Gardabhaka)
 Trụ thành **Mạt Độ La** (Mathurā)
 _ Dược Xoa Vương **Bình Phúc** (Kalaśodara)
 Trụ tại thành **Lăng Già** (Lamka)
 _ Dược Xoa **Nhật Quang Minh** (Sūrya-prabhā)
 Trụ tại nước **Tô Na** (Sūna)
 _ Dược Xoa **Ngọt Đầu Sơn** (Girimuṇḍa)
 Trụ nước **Kiêu Tát La** (Kośala)
 _ Thần **Thắng** (Vijaya) với **Đại Thắng** (Vaijayanta)
 Trụ tại nước **Bán Ni** (Paṇḍamāthura)
 _ Đại Dược Xoa **Viên Mãn** (Pūrṇaka)
 Trụ nước **Mạt La Gia** (Malaya)
 _ Dược Xoa **Khẩn Na La** (Kinnara)
 Trụ nước **Kê La Đa** (Kerala)
 _ Dược Xoa Vương **Hộ Vân** (Meghapāli, ?Meghamāli)
 Trụ tại nước **Bạn Noa** (Paṇḍa)
 _ Dược Xoa **Kiến Noa Ca** (Kaṇḍaka)
 Trụ tại nước **An Lập** (Pratiṣṭhana)
 _ Dược Xoa **Tăng Ca Ly** (Saṃkāri)
 Trụ **Tất Đẳng Bách Lý** (Pitaṅgari)
 _ Dược Xoa Thần **Dẫn Lạc** (Sukhāvaha)
 Trụ **Đất Lăng Bách Đế** (Taraṅgavatī)
 _ Dược Xoa **Tôn Đà La** (Sundara)
 Trụ nước **Na Tư Kê** (Nāsikya)
 _ Dược Xoa **A Tăng Già** (Asaṅga)
 Trụ **Bà Lô Yết Xa** (Bharukacchaka)
 _ Đại Dược Xoa **Nan Nễ** (Nandika)
 Với **Tử Nan Nễ Ca** (Pitānandīvīra)
 Hai Dược Xoa Vương này
 Trụ **Yết Ha Tra Ca** (Karahātaka)

_ Đại Dược Xoa **Thùy Phúc** (Lambodara)
 Trụ nước **Yết Lăng Già** (Kaliṅga)
 _ Dược Xoa Vương **Đại Tỳ** (Mahābhujā)
 Trụ nước **Kiêu Tát La** (Kauśalī)
 _ Thần **Sa Tát Đễ Ca** (Svastika)
 Nước **Sa Đễ Yết Tra** (Svastikātaka)
 _ Dược Xoa **Ba Lạc Già** (Pāraka)
 Thường trụ ngay trong rừng
 _ Đại Dược Xoa **Hiền Nhĩ** (Bhadra-karṇa)
 Trụ nước **Đát Chi Kiên** (Taḍiskandha)
 _ Dược Xoa Thần **Thắng Tài** (Dhanāpaha)
 Trụ ở nước **Lục Mãn**
 _ Đại Dược Xoa **Khí Lực** (Bala)
 Trụ **Tỳ La Mạc Ca** (Vairāmaka)
 _ Dược Xoa Thần **Hỷ Kiến** (Priya-darsana)
 Trụ nước **A Bát Đễ** (Avatī, ?Avantī)
 _ Dược Xoa **Thi Khiên Đà** (Śikhandī)
 Trụ tại nước **Ngưu Tồi** (Gomardana)
 _ Dược Xoa **Ái Hợp Chương** (Añjalipriya)
 Trụ ở **Phệ Nễ Thế** (Vaidīśa)
 _ **Bộ Sát Trí Đắc Ca** (Veṣṭhitaka)
 Trụ tại nước **Cái Hình** (Chatrākāla)
 _ Dược Xoa **Điều Ma Kiệt** (Makarandaka)
 Trụ tại nước **Tam Tầng** (Tripūri)
 _ Dược Xoa Thần **Quảng Mục** (Viśālākṣa)
 Trụ ở nước **Nhất Dịch** (Erakakṣa)
 _ Dược Xoa **An Noa Bà** (Guḍaka)
 Nước **Ưu Đàm Bạt La** (Udumbara)
 _ Dược Xoa **Vô Công Dụng** (Anāgha)
 Trụ nước **Kiêu Thiêm Di** (Kauśāmbī)
 _ Thần **Vi Lô Giả Na** (Virocana)
 Trụ thành **Tịch Tĩnh Ý** (Śāntivastī)
 _ Thần **Gia La Đễ Ca** (Caritaka)
 Trụ ở nước **Xà Cái** (Ahiccatra)
 _ Dược Xoa **Xích Hoàng Sắc** (Lohita-kapila)
 Trụ nước **Kiểm Tát Ly** (Kāṃpilī)
 _ Dược Xoa **Bạc Câu La** (Vakkula)
 Trụ **Ốt Thệ Ha Na** (Urjijhānā)
 _ Dược Xoa **Bố Lạt Noa** (Pūrṇaka)
 Trụ nước **Mạn Noa Bỉ** (Maṇḍavī)
 _ Thần **Ninh Ca Mê Sa** (Naigameśa)
 Trụ thành **Bán Già Ly** (Paṃcālī)
 _ Đại Dược Xoa **Nan Tồi** (Prasabha)
 Trụ nước **Nghiệt Độ Sa** (Gajasā)
 _ Dược Xoa Thần **Kiên Giáp** (Dṛdha-dhanu)
 Trụ tại nước **Thủy Thiên** (Varuṇā)
 _ Thần **Bô Lan Thệ Đã** (Puñjaya)
 Trụ ở nước **Đấu Chiến** (Yudha)

_ Dục Xoa **Đất Lạc Ca** (Taraka)
Vói **Câu Đất Lạc Ca** (Kutaraka)
Hai Đại Dục Xoa Vương
Trụ tại **đất Câu Lô** (Kuruksetra)
_ **Đại Ô Lô Khư La** (Maholūkhala)
Cùng với **Mê Khư La** (Mekhala)
Hai Dục Xoa Vương này
Uy Đức đủ tiếng tăm
Kèm với các quyền thuộc
Cũng trụ **đất Câu Lô** (Kuruksetra)
_ **Thần Vi Đế Bá Đế** (Vyatipāta)
Vói **Đĩ Nghĩa Thành Tụ** (Siddhārtha)
Hai Dục Xoa Vương này
Trụ rừng **A Duệ Đế** (Āyati)
_ Dục Xoa **Vãng Thành Tụ** (Siddhapātra)
Trụ **Tốt Lộc Cận Na** (Śrughna)
_ Dục Xoa **Tốt Thổ La** (Sthūla)
Trụ nước **Tốt Thổ La** (Sthūla)
_ **Hổ Lực Sư Tử Lực** (Simha-vyaghra-bala)
Và **Đại Sư Tử Lực** (Mahā-simha-bala)
Đại Tướng **Câu Chi Niên** (Koṭivarṣa)
Trụ trong **Tha Thắng Cung** (Parapurañjaya)
_ Dục Xoa Thần **Hoa Xỉ** (Puṣpa-danta)
Trụ tại thành **Chiêm Ba** (Campā)
_ Dục Xoa **Ma Kiệt Đà** (Māgada)
Trụ tại xứ **Sơn Hành** (Giribhrajā)
_ Dục Xoa **Bát Bạt Đa** (Parvata)
Trụ xứ **Cồ Du Già** (Goyoga)
_ Dục Xoa **Tô Sái Na** (Suṣana)
Trụ nước **Na Yết La** (Nāgara)
_ Đại Dục Xoa **Dũng Tý** (Vīra-bāhu)
Trụ ấp **Sa Kê Đa** (Sāketa)
_ Dục Xoa **Năng Dẫn Lạc** (Sukhāvaha)
Trụ tại **Ca Kiên Đế** (Kākandī)
_ Dục Xoa **Vô Lao Quyện**
Trụ nước **Kiêu Thiểm Di** (Kauśāmbi)
_ Dục Xoa Thần **Hiền Thiện** (Bhadrika)
Trụ ở nước **Hiền Thiện** (Bhadrikā)
_ Dục Xoa **Bộ Đa Diện** (Bhūta-mukha)
Trụ **Ba Tra Ly Tử** (Pāṭaliputra)
_ Đại Dục Xoa **Vô Ưu** (Aśoka)
Trụ tại nước **Ca Già** (Kāṃli)
_ **Thần Yết Trung Yết Tra** (Kaṭamkṭa)
Trụ **Am Bà Sắt Xá** (Ambaṣṭha)
_ Dục Xoa **Thành Tụ Nghĩa** (Siddhārtha)
Trụ tại nước **Thiên Dịch** (Bharukaccha)
_ Dục Xoa **Mạn Na Ca** (Mandaka)
Trụ tại nước **Nan Thắng** (Ajitamjaya)

_ Dược Xoa Thần **Giải Phát** (Muñja-keśa)
Trụ ở nước **Thắng Thủy** (Agrodaka)
_ Dược Xoa Thần **Bảo Lâm** (Mañi-kānana)
Trụ nước **Tiên Đà Bà** (Saindhava)
_ Dược Xoa **Thường Cẩn Hộ**
Trụ nước **Kiếp Tỳ La** (Kapilavastu)
_ **Yết Tra** (Kaṭa), **Vi Yết Tra** (Vikāṭa)
Nước **Ca Tỳ La Vệ** (Kapilavastu)
_ Dược Xoa Thần **Xan Lãn** (Naikṛtika)
Trụ nước **Kiên Đà La** (Gāndhāra)
_ Dược Xoa Thần **Đọa La** (Dvāraka)
Trụ tại **Nị La Gia** (Nilaya)
_ Dược Xoa Thần **Xứ Trung** (Madhyema)
Hiền Thiện (Bhadreya) trụ **Danh Xung** (Mahāyaśa)
_ Dược Xoa **Phệ Ly Lưu** (Vairāṭaka)
Trụ trong thành **Kiên Thập** (Sālapura)
_ Dược Xoa **Nhiễm Bạc Ca** (Jambhaka)
Trụ ở đất **Sa Thích** (Marubhūmi)
_ Đại Dược Xoa **Xá Đa** (Khyata)
Cùng với **Tỳ Yết Tra** (Vikāṭa)
Hai Dược Xoa Thần này
Trụ **Vật Na Trích Ca** (Vṛndakāṭa)
_ Thần **Tỳ Ma Ni Ca** (Vaimānika)
Trụ **Đề Bà Thiết Ma** (Devaśarma)
_ Dược Xoa **Mạn Đà La** (Mandara)
Trụ nước **Nại La Na** (Darada)
_ Dược Xoa Thần **Tác Quang** (Prabhaṅkara)
Nước **Yết Thấp Di La** (Kaśmīra)
_ Dược Xoa **Chiêm Bác Ca** (Candaka)
Trụ tại thành **Yết Tra** (Jaṭāpūra)
_ Dược Xoa **Bán Chi Ca** (Pāñcika)
Nước **Yết Thấp Di La** (Kaśmīra)
Đủ năm trăm người con
Có đại quân đại lực
Con trưởng tên **Kiên Mục** (Skandākṣa)
Trụ tại nước **Chi Na** (Cīna-bhūmi)
Các nhóm anh em khác
Trụ nước **Kiêu Thi Ca** (Kauśika)
_ Dược Xoa Thần **Nha Túc** (Daṃṣṭrāpāda)
Trụ nước **Yết Lăng Ca** (Kaliṅga)
_ Dược Xoa **Mạn Trà La** (Maṇḍala)
Trụ nước **Mạn Trà Dược** (Maṇḍalāsana)
_ Thần **Lăng Già Tụ Tại** (Lañkeśvara)
Trụ ở **Ca Tất Thí** (Kāpiśī)
_ Dược Xoa **Ma Lợi Chi** (Mārīcī)
Trụ **La Ma Cước Sái** (Rāmakākṣī)
_ Thần **Đạt Ma Ba La** (Dharma-pāla)
Cư trú ở **Sơ Lặc** (Khāsa)

_ Dục Xoa Thần **Đại Kiên** (Mahābhujā)
 Trụ nước **Bạc Khư La** (Vahlā)
 _ Con vua **Tỳ Sa Môn** (Vaiśravaṇa)
 Đủ mọi Đức uy nghiêm
 Trụ tại **Đổ Hỏa La**
 Có đại quân đại lực
 Một câu chi Dục Xoa
 Dùng để làm quyến thuộc
 _ Dục Xoa **Sa Đa Sơn** (Sātāgiri)
 Cùng với Thần **Tuyệt Sơn** (Haimavata)
 Hai Đại Dục Xoa này
 Trụ bên sông **Tân Đô** (Sindhu-sāgara)
 _ Dục Xoa **Chấp Tam Kịch** (Trisulapāla)
 Trụ tại Điện **Tam Tầng** (Tripura)
 _ Đại Dục Xoa **Năng Tồi** (Pramardana)
 Trụ nước **Yết Lãng Già** (Kaliṅga)
 _ **Bán Già La Hiến Noa** (Pañcālaganḍa)
 Trụ nước **Đạt Di Noa** (Dramida)
 _ Dục Xoa **Tài Tụ Tại** (Dhaneśvara)
 Trụ tại nước **Sư Tử** (Siṃhala)
 _ Dục Xoa **Anh Vũ Khẩu** (Sukāmukha)
 Trụ ở xứ hoang vắng
 _ Dục Xoa **Cãng Yết Sa** (Kinkara)
 Thường y trụ **Địa Hạ** (Pātala)
 _ Dục Xoa **Hữu Quang Minh** (Prabhāsvara)
 Trụ nước **Bạch Liên Hoa** (Puṇḍarīka)
 _ Dục Xoa **Thiết Nhĩ La** (Śamila)
 Trụ ở trong **Đại Thành** (Mahāpura)
 _ Dục Xoa **Năng Phá Tha** (Prabhajana)
 Trụ nước **Nại La Nê** (Darada)
 _ Dục Xoa **Băng Nghiệt La** (Piṅgala)
 Trụ nước **Am Mạt Ly** (Ambulima)
 _ Dục Xoa **Mạt Mạt Noa** (Vaccada)
 Nước **Mạt Mạt Noa Tạng** (Vaccadādhāna)
 _ Dục Xoa **Ma Đất Lý** (Mātali)
 Trụ ở nước **Thí Dục** (Kāmada)
 _ Dục Xoa Thần **Cực Giác** (Prabuddha)
 Nước **Bố Để Phộc Tra** (Putrīvaṭa)
 _ **Na Tra Củ Vạt La** (Nalakūvala)
 Trụ ở **Ca Tất Thí** (Kamiśi)
 _ Thần **Bát La Thiết La** (Pāraśara)
 Trụ nước **Bát La Đa** (Pārata)
 _ Dục Xoa **Thương Yết La** (Śamkara)
 Trụ tại xứ **Thước Ca** (Śakasahāna)
 _ **Tỳ Ma Chất Đa La** (Vimacitra)
 Trụ thành **Mạc Lý Ca** (Vahlīka)
 _ Dục Xoa **Băng Yết La** (Piṅgala)
 Trụ nước **Yết Đắc Ca** (Ketaka)

_ Dục Xoa Thần **Mãn Diện** (Pūrṇa-mukha)

Bôn Noa Vạt Đạt Na (Puṇḍavarddhana)

_ Dục Xoa **Yết La La** (Karāḍa)

Trụ tại nước **Ô Trường** (Uḍuyānaka)

_ Dục Xoa Thần **Úng Phúc** (Kumbhodana)

Trụ nước **Kiêu Tát La** (Kośala)

_ Đại Thần **Ma Kiệt Tràng** (Makara-dhvaja)

Trụ ở xứ **Sa Thích** (Maru)

_ **Chất Đất La Tế Na** (Citrasena)

Trụ nước **Bộc Ca Na** (Vokkāṇa)

_ Dục Xoa **La Phộc Noa** (Rāvāṇa)

Trụ nước **La Ma Đà** (Ramatha)

_ Dục Xoa **Xích Hoàng Sắc** (Piṅgala)

Trụ nước **La Thi Na** (Rāsīna)

_ Dục Xoa Thần **Lạc Kiến** (Priya-darśana)

Trụ nước **Bát Ni Gia** (Patnīya)

_ Dục Xoa **Kim Tỳ La** (Kumbhīra)

Trụ ở thành **Vương Xá** (Rājagṛha)

Thường ở **Tỳ Phú La** (Vipūla)

Có đại quân đại lực

Vạn câu chi Dục Xoa

Dùng để làm quyến thuộc

_ Dục Xoa **Cồ Ba La** (Gopāla)

Trụ tại nước **Xà Cái** (Ahicchatra)

_ Dục Xoa **Át Lạc Ca** (Alaka)

Trụ thành **Át Lạc Ca** (Alakāpura)

_ Dục Xoa Thần **Nan Đề** (Nandī)

Trụ tại nước **Nan Đề** (Nandi-nagara)

_ Đạt Thiên Thần **Mạt Lý** (Vali)

Trụ ngõ tắt trong làng

_ **Tỳ Sa Môn** (Vaiśravaṇa) cư trú

Ngôi báu dưới Đức Phật

Thành **Át Noa Vãn Đa** (Aḍakavatī)

Ức chúng Thần vây quanh

Nhóm Dục Xoa như vậy

Có đại quân đại lực

Giáng phục Oán Địch khác

Không ai có thể thắng

Tiếng vang khắp mười phương

Đầy đủ Uy Đức lớn

Trời với A Tu La

Chiến đấu thời giúp sức

Chư Thần, Đại Dục Xoa Tướng thuộc nhóm Phước Đức này tràn khắp **Thiệm Bộ Châu** (Jambu-dvīpa) hộ trì Phật Pháp, đều khởi **Tâm Từ** (Maitra-citta). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Không Tước Minh Vương Chân Ngôn** này ủng hộ cho con (họ tên...) nhiếp thọ nhiều ích khiến được an ổn, hết thấy ách nạn thấy đều tiêu trừ.

phuru phuru. **Ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi, ciṭi ciṭi.** **Hikke, mikke, cikke, vikke, śrī, bhadre maṃgalye, samanta-bhadre, sarvarthā sādhanī, amale, vimale, candra-prabhe, sūryakānte, duve, dodumbe, priyaṅkare, svāhā.**

Nguyễn xin chur Thân thường ủng hộ con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu”

— Đức Phật bảo A Nan Đà: “Lại có Danh Hiệu của 28 vị Dược Xoa Đại Tướng, Ông nên xưng niệm. Nhóm Dược Xoa Đại Tướng này hay ở mười phương Thế Giới che giúp cho tất cả chúng sinh để trừ bỏ việc suy hoại, ách nạn.

Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ ở phương Đông, ủng hộ cho hết thầy chúng sinh ở phương Đông, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Nễ Già** (Dīrgha), **Tô Nịnh Đát-La** (Sunetra), **Bồ La Noa Ca** (Pūrṇaka), **Kiếp Bỉ La** (Kapila). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** ủng hộ cho con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc, sống lâu trăm tuổi (Nói việc đã mong cầu, đều dựa theo điều này)

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ ở phương Nam, ủng hộ cho hết thầy chúng sinh ở phương Nam, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Tăng Hạ** (Simha), **Ổ Ba Tăng Hạ** (Upasimha), **Hướng Xí La** (Śaṅkhara), **Nan Na** (Nanda, ?Candana). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này ủng hộ cho con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc, sống lâu trăm tuổi (Chỗ này nói việc đã mong cầu)

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ ở phương Tây, ủng hộ cho hết thầy chúng sinh ở phương Tây, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Hạ La** (Hari), **Hạ Lý Kế Thước** (Harikeśa), **Bát-La Bộc** (Prabhū), **Kiếp Bỉ La** (Kapila, ?Piṅgala). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này ủng hộ cho con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc, sống lâu trăm tuổi (nói việc đã mong cầu)

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ ở phương Bắc, ủng hộ cho hết thầy chúng sinh ở phương Bắc, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Đà La Noa** (Dharaṇa), **Đà La Nan Nỗ** (Dharananda), **Ốt Nễ-dữu Nghiệp Bá Lộ** (Udyogapāla), **Vĩ Sắt Nỗ** (Viṣṇu). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này ủng hộ cho con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc, sống lâu trăm tuổi (nói việc đã mong cầu)

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng trụ ở **bốn phương bàng** (Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam), ủng hộ cho hết thầy chúng sinh ở bốn phương bàng, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Bán Chỉ Cước** (Pāñcika), **Bán Giả La Hiên Noa** (Pāñcālaganḍa), **Sa Đá Nghĩ Lý** (Sātāgiri), **Ngạn Ma Phộc Đa** (Haimavata). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này ủng hộ cho con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc, sống lâu trăm tuổi (nói việc đã mong cầu)

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng thường ở trên đất, ủng hộ cho hết thầy chúng sinh ở trên đất, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Bộ Mạc** (Bhūma), **Tô Bộ Mạc** (Subhūma), **Ca La** (Kāla), **Ổ Ba Ca La** (Upakāla). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này ủng hộ cho con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc, sống lâu trăm tuổi (nói việc đã mong cầu)

A Nan Đà! Có bốn vị Dược Xoa Đại Tướng thường ở trên hư không, ủng hộ cho hết thầy chúng sinh ở trên hư không, khiến lìa ưu khổ. Các vị ấy tên là: **Tổ Lý-dã** (Sūrya), **Tổ Mô** (Soma), **A Nghĩ-Ninh** (Agni), **Phộc Dữu** (Vāyu). Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này ủng hộ cho con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc, sống lâu trăm tuổi (nói việc đã mong cầu)

_ Lại nữa, A Nan Đà! Ông nên xưng niệm Danh Hiệu của anh em, quân tướng của **Đa Văn Thiên Vương** (Vaiśravaṇa-devarāja). Nhóm này ủng hộ tất cả hữu tình đề trừ tai họa, ách nạn, ưu khổ... du hành Thế Gian làm lợi ích lớn. Các vị ấy tên là:

- 1_ **Ấn Nại-La** (Indra)
- 2_ **Tổ Ma** (Soma)
- 3_ **Phộc Lỗ Noa** (Varuṇa)
- 4_ **Bát-La Nhạ Bả Đễ** (Prajāpati)
- 5_ **Bà La Nạp Phộc Nhạ** (Bharadvāja)
- 6_ **Y Xá Na** (Íśana)
- 7_ **Thất-Chiến Na Nặc** (Candana)
- 8_ **Ca Mạc** (Kāma)
- 9_ **Thất-Lệ Sắt-Xá** (Śreṣṭha),
- 10_ **Cử Ninh Kiến Xá** (Kunikaṇṭha)
- 11_ **Ninh Kiến Xá Ca** (Nikaṇṭhaka)
- 12_ **Phộc Nị Ma Nê** (Vadirmmaṇi)
- 13_ **Ma Nê Giả La** (Māṇicara)
- 14_ **Bát La** (Bala)
- 15_ **Bát-La Noa Na** (Praṇāda)
- 16_ **Ồ Bả Bán Chỉ Khứ** (Upapañcaka)
- 17_ **Sa Đá Nghĩ Lý** (Sātāgiri)
- 18_ **Ngạn Ma Phộc Đa** (Haimavata)
- 19_ **Bô La Noa** (Pūrṇa)
- 20_ **Khư Nễ La** (Khadira)
- 21_ **Cú Vĩ Nặc** (Kovida)
- 22_ **Ngộ Bả La Dược Xoa** (Gopāla-yakṣa)
- 23_ **A Tra Phộc Cú** (Āṭavaka)
- 24_ **Năng La Lá Xà** (Nararāja)
- 25_ **Nhĩ Nại Khất Sái** (Jinārgabha)
- 26_ **Bán Gia La Hiến Noa** (Pāñcālaganḍa)
- 27_ **Tô Mẫu Khế** (Sumukha)
- 28_ **Nễ Già Dược Xoa** (Dīrgha-yakṣa)
- 29_ **Tát Bả Lý Nhạ Nặc** (Saparijana)
- 30_ **Tức Đất-La Tế Năng** (Citrasena)
- 31_ **Thấp-Phộc** (Śiva)
- 32_ **Ngạn Đạt Phộc** (Gandharva)
- 33_ **Đê-Lý Phả Lý** (Triphalī)
- 34_ **Tát Đất-Lý Kiến Tra Ca** (Catrikaṇṭhaka)
- 35_ **Nễ Già Thước Đễ** (Dīrgha-śakti)
- 36_ **Thất-Tả Ma Đa Lý** (Mātali)

Nhóm Dược Xoa này là Đại Quân Chủ thống lĩnh chư Thần, có Uy Lực lớn, đều đầy đủ ánh sáng, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. **Pháp Huỳnh Đệ** của Đa Văn Thiên Vương đây thường được Đa Văn Thiên Vương răn bảo (sắc): “Nhóm anh em Dược Xoa này! Nếu các Quỷ Thần xâm nhiễu người kia thời các người hãy vì họ mà ủng hộ, đừng để cho náo loạn, khiến được an vui”. Các Dược Xoa nghe xong, y theo lời dạy mà phụng hành.

Nhóm Dược Xoa Đại Tướng này cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương** này thủ hộ cho con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Nếu khi có việc đấu tranh khổ não thời hiện ra trước mặt con. Nguyên xin Dược Xoa Đại Tướng thường vệ hộ con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc, khiến lìa được sự lo âu khổ não.

Hoặc bị **Trời** (Deva) **Rồng** (Nāga) nắm giữ, **A Tô La** (Asura) nắm giữ, **Ma Lỗ Đa** (Maruta) nắm giữ, **Nga Lỗ Noa** (Garuda) nắm giữ, **Ngạn Đạt Phộc** (Gandharva) nắm giữ, **Khẩn Na La** (Kimnara) nắm giữ, **Ma Hộ La Nga** (Mahoraga) nắm giữ, **Dược Xoa** (Yakṣa) nắm giữ, **La Sát Sa** (Rākṣasa) nắm giữ, **Tất Lệ Đa** (Preta) mê hoặc, **Tỳ Xá Già** (Piśāca) mê hoặc, **Bộ Đa** (Bhuta) mê hoặc, **Củ Bạ Noa** (Kumbhaṇḍa) mê hoặc, **Bố Đan Na** (Putana) mê hoặc, **Yết Tra Bố Đan Na** (Kaṭaputana) mê hoặc, **Tắc Kiến Na** (Skanda) mê hoặc, **Ốt Ma Na** (Unmāda) mê hoặc, **Xa Gia** (Chāya) mê hoặc, **A Bát Sa Ma La** (Apsmara) mê hoặc, **Ồ Sa Đá La Ca** (Ostakara) mê hoặc, **Nặc Sát Đạt La** (Nakṣatra) mê hoặc, **Lệ Bả** (Ripu) mê hoặc... Khi bị nhóm Quý Thần như vậy nắm giữ, làm cho mê hoặc... Nguyên xin **Phật Mẫu Minh Vương** đều ủng hộ con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc khiến lìa ưu não, sống lâu trăm tuổi.

Lại có các Quý: loài ăn tinh khí, loài ăn bào thai, loài ăn máu huyết, loài ăn thịt, loài ăn dầu mỡ, loài ăn tủy, loài ăn sự sống, loài ăn sinh mệnh, loài ăn thức cúng tế, loài ăn hơi thở, loài ăn hương, loài ăn tóc, loài ăn bông hoa, loài ăn quả trái, loài ăn lúa mạ, loài ăn **thứ cúng tế trong lửa** (hỏa từ), loài ăn mù, loài ăn thứ do đại tiện, loài ăn thứ do tiểu tiện, loài ăn nước mắt nước dãi, loài ăn nước bọt, loài ăn nước mũi, loài ăn thức ăn dư thừa, loài ăn thứ nôn mửa, loài ăn vật chẳng sạch, loài ăn nước chảy rỉ ra... Khi bị nhóm Quý Mỹ như vậy gây nhiễu loạn thời nguyên xin **Phật Mẫu Minh Vương** ủng hộ cho con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc, khiến lìa ưu khổ, sống lâu trăm tuổi, nguyện thấy trăm mùa Thu, thường được an vui.

Nếu lại có người làm các việc yểm đảo, Chú Thuật, Cô Mi, làm các Pháp ác... Ấy là: **Cật Lý Để Ca** (Kṛtyā), **Yết Ma Noa** (Karmanā), **Ca Cự La Na** (Kakhordda), **Chỉ La Noa** (Kiraṇa), **Phệ Đá Noa** (Vetaḍa, hay Vetala), **Hạ Phộc Na Đa**, **Đốt Độ Đá Đa**, uống máu tủy kẻ khác, biến hóa người sai khiến, kêu gọi Quý Thần làm các nghiệp ác: ăn ác, nôn mửa ác, ảnh ác, nhìn góc ác. Hoặc làm việc Thư Yểm, hoặc nhảy đập ác, đốt nhiên ác. Hoặc mạo phạm trái nghịch ác (ác mạo nghịch)... Khi làm việc ác thời xin đều ủng hộ cho con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc, khiến lìa lo âu khổ não.

Lại có các sự sợ hãi: Vua chúa làm cho sợ hãi, giặc cướp làm cho sợ hãi, nhóm nước lửa làm cho sợ hãi, hoặc binh lính nước khác làm cho sợ hãi. Nhóm bạn ác, Kiếp Sát, oán địch làm cho sợ hãi, gặp nạn đói khát làm cho sợ hãi, chết yểu làm cho sợ hãi, đất chấn động làm cho sợ hãi, các thú ác làm cho sợ hãi. Hết thấy nhóm sợ hãi như vậy, đều hộ giúp cho con (họ tên..).

Lại nữa các bệnh: ghê lở, bệnh hủi, mụn nhọt, hắc bào, bệnh trĩ, bệnh lậu, ung thư, da thân khô đen, ăn uống chẳng tiêu, đau buốt đầu, đau buốt nửa đầu, đau mắt, đau tai, đau mũi, đau môi, đau miệng, đau gò má, đau răng nanh, đau buốt răng, đau lưỡi với đau cổ họng, đau ngực, đau hông sườn, đau lưng, đau tim, đau dạ dày, đau eo lưng, đau bụng, đau bắp đùi, đau đầu gối, hoặc đau tứ chi, đau nơi ẩn kín, bệnh gầy ốm, khô ngứa, đau buốt khắp thân... Nhóm đau nhức như vậy thầy đều trừ diệt.

Hoặc các bệnh sốt rét: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến nửa tháng, một tháng, hoặc lại nhiều ngày liên tiếp, hoặc lại phút chốc... phát bệnh một lần. Hoặc bệnh thường nóng sốt, bệnh **Thiên Tà**, bệnh bứu cổ, Quý Thần, nóng sốt, trúng gió, vàng da, **đàm ẩm** (Trong thân thể, nước dịch quá lượng chẳng tiêu hóa được, ngưng chảy hoặc chảy rỉ ra ở một bộ phận nào đó gây thành bệnh). Hoặc ba **tập bệnh**, 404 loại bệnh, tất cả bệnh sốt rét. Nhóm bệnh như vậy đều khiến cho diệt hết.

- 33_ **Bao Xi La Sát Nữ** (Danturā-rākṣasī)
34_ **Kinh Bồ La Sát Nữ** (Uttrāsanī-rākṣasī)
35_ **Một La Hám Di La Sát Nữ** (Brāhmī-rākṣasī)
36_ **Đát Noa Nghiệp Bá La La Sát Nữ** (Taḍāgapālinī-rākṣasī)
37_ **Trì Kim Cương La Sát Nữ** (Vajradharā-rākṣasī)
38_ **Tắc Kiển Na La Sát Nữ** (Skandā-rākṣasī)
39_ **Đáp Ma La Sát Nữ** (Tapanī-rākṣasī)
40_ **Hành Vũ La Sát Nữ** (Varṣaṇī-rākṣasī)
41_ **Chấn Lô La Sát Nữ** (Garjjanī-rākṣasī)
42_ **Kích Thanh La Sát Nữ** (Sphoṭanī-rākṣasī)
43_ **Kích Điện La Sát Nữ** (Vidyotanī-rākṣasī)
44_ **Túc Hành La Sát Nữ** (Jaṅgamā-rākṣasī)
45_ **Cự Khẩu La Sát Nữ** (Ulkāmukhī-rākṣasī)
46_ **Trì Địa La Sát Nữ** (Vasudharā-rākṣasī)
47_ **Hắc Dạ La Sát Nữ** (Kālarātrī-rākṣasī)
48_ **Diệm Ma Sứ La Sát Nữ** (Yamadūtī-rākṣasī)
49_ **Vô Cấu La Sát Nữ** (Amalā-rākṣasī)
50_ **Bất Động La Sát Nữ** (Acalā-rākṣasī)
51_ **Cao Kế La Sát Nữ** (Urddhajāṭa-rākṣasī)
52_ **Bách Đầu La Sát Nữ** (Śataśīrṣā-rākṣasī)
53_ **Bách Tý La Sát Nữ** (Śatabāhu-rākṣasī)
54_ **Bách Mục La Sát Nữ** (śatanetrā-rākṣasī)
55_ **Thường Hại La Sát Nữ** (Ghātanī-rākṣasī)
56_ **Tôi Phá La Sát Nữ** (Mardanī-rākṣasī)
57_ **Miêu Nhi La Sát Nữ** (Mārjārī-rākṣasī)
58_ **Mạt Noa La La Sát Nữ**
59_ **Dạ Hành La Sát Nữ** (Nisacarā-rākṣasī)
60_ **Trú Hành La Sát Nữ** (Divasacarā-rākṣasī)
61_ **Ái Trang La Sát Nữ** (Maṇḍitikā-rākṣasī)
62_ **Phần Nộ La Sát Nữ** (Krodhanā-rākṣasī)
63_ **Lưu Nạn La Sát Nữ** (Viheṭhanī-rākṣasī)
64_ **Trì Dao Bông La Sát Nữ** (Aśimuṣaladharā-rākṣasī)
65_ **Trì Tam Kích Xoa La Sát Nữ** (Trisūlapāṇī-rākṣasī)
66_ **Nha Xuất La Sát Nữ** (Karāla-dantī-rākṣasī)
67_ **Ý Hỷ La Sát Nữ** (Manoramā-rākṣasī)
68_ **Tịch Tĩnh La Sát Nữ** (Somā-rākṣasī)
69_ **Táo Bạo La Sát Nữ** (Caṇḍā-rākṣasī)
70_ **Nan Đa La Sát Nữ** (Vanta-rākṣasī)
71_ **Hứ Lâm Ma La Sát Nữ** (Hitimbā-rākṣasī)
72_ **Thanh Sắc La Sát Nữ** (Nīlā-rākṣasī)
73_ **Chất Đa La La Sát Nữ** (Citrā-rākṣasī)

Nhóm 73 các vị La Sát Nữ này có Thần Lực lớn, đầy đủ ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời cùng với A Tô La đánh nhau thời hiện Uy Lực lớn. Các vị ấy cũng dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này thủ hộ cho con (họ tên...) kèm với các quyến thuộc, sống lâu trăm tuổi.

Chân Ngôn là:

“Đát nễ-dã tha (1) hứ lý hứ lý (2) nhĩ lý nhĩ lý (3) đát noa đa phộc nãi (4) phộc kế phộc kế (5) hộ lệ hộ lệ (6) đà la đà la (7) hạ la hạ la (8) tả la tả la (9) tổ lỗ

Sarva bodhisatvānām svāhā
 Anāgāminām svāhā
 Sakṛdāgāminām svāhā
 Srotāpannānām svāhā
 Samyaggatānām svāhā
 Samyakpratipannānām svāhā
 Brahmāya svāhā
 Indrāya svāhā
 Prajāpataye svāhā
 Īśānāya svāhā
 Agnaye svāhā
 Vāyave svāhā
 Varuṇāya svāhā
 Yamāya svāhā
 Upendrāya svāhā
 Vaiśravaṇāya yakṣādhipataye svāhā
 Dhṛtarāṣṭrāya gandharvādhipataye svāhā
 Virūḍhakāya kumbhaṇḍādhipataye svāhā
 Virūpākṣāya nagādhipataye svāhā
 Devānām svāhā
 Nāgānām svāhā
 Asurānām svāhā

Marutānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Garuḍānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Gandharvānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Kinnarānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Mahoragānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Yakṣānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Rākṣasānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Pretānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Piśācānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Bhūtānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Kumbhaṇḍānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Putatānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Kaṭaputanānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Skandānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Unmādānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Cchāyānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Apasmārānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Ostārakānāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Candra sūryayo svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Nakṣatrāṇāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Grahāṇāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Jyotiṣāṇāṃ svāhā
 ॠॡॢॣ।॥
 Rṣīnāṃ svāhā

(सिद्धव्रतं नमः)
 Siddha-vratānāṃ svāhā
 (सिद्धविद्यां नमः)
 Siddhya-vidyānāṃ svāhā
 गौरीयं नमः
 Gaurīye svāhā
 गन्धारीयं नमः
 Gāndhāriye svāhā
 जङ्गुलीयं नमः
 Jaṅguliye svāhā
 अमृतयै नमः
 Amṛtāyai svāhā
 जम्बानीयं नमः
 Jambhānīye svāhā
 चपेयीयं नमः
 Cāpeṭīye svāhā
 द्रामिडीयं नमः
 Drāmiḍīye svāhā
 शिवरीयं नमः
 Śavariye svāhā
 अथर्वशिवरीयं नमः
 Athārvaśavarāye svāhā
 चण्डीयं नमः
 Caṇḍāliye svāhā
 मातङ्गीयं नमः
 Mātāṅgīye svāhā
 नागहृदयै नमः
 Nāga-hṛdayāya svāhā
 गरुडहृदयै नमः
 Garuḍa-hṛdayāya svāhā
 मनीष्यै नमः
 Mānasiye svāhā
 महामनीष्यै नमः
 Mahā-mānasiye svāhā
 शकटशरीयै नमः
 ṣaḍakṣariye svāhā
 मणिभद्रायै नमः
 Maṇi-bhadrāya svāhā
 समन्तभद्रायै नमः
 Samanta-bhadrāya svāhā
 महासमन्तभद्रायै नमः
 Mahā-samanta-bhadrāya svāhā
 महासमयै नमः
 Mahā-samāya svāhā

Mahā-pratisarāya svāhā

ॐ न व न य स न स

Śītanāya svāhā

ॐ न न न व न य स न स

Mahā-śītanāya svāhā

ॐ न न न व न य स न स

Mahā-daṇḍa-dhāraṇīye svāhā

ॐ न न न य स न स

Mucilindāya svāhā

ॐ न न य स न स

Jayantīye svāhā

ॐ न य स न स

Śāntīye svāhā

ॐ न य स न स

Aśva-kṛtāya svāhā

ॐ न य स न स

Mahā-mayūrya-vidya-rājāya svāhā

Đại Minh, Đại Chân Ngôn của nhóm như vậy. Đại Kết Giới, Đại Hộ hay trừ diệt tất cả các ác

Nguyện phá tất cả Chú Thuật, nghiệp ác

Nguyện trừ diệt Cỗ Mỵ, Yểm Đảo

Nguyện trừ diệt **Cụ Lật La, Chỉ La Noa, Phệ Đa Noa, Chát Già, Tát Lệ Sái**

Ca

Nguyện trừ diệt **Tắc Kiến Na, Ót Ma Na, Xa Gia, A Bát Sa Ma La**

Nguyện trừ diệt bệnh điên cuồng, động kinh, gầy ốm, ghê lở, cùi hủi

Nguyện trừ diệt mọi loại Quỷ Mỵ, các loài ăn ác

Nguyện trừ diệt kẻ uống máu tủy người khác, biến người đê sai khiến, hô triệu Quỷ Thần gây tạo nghiệp ác

Nguyện trừ diệt các sợ hãi: vua chúa làm cho sợ hãi, giặc cướp làm cho sợ hãi, nước lửa làm cho sợ hãi. Nhóm bạn ác, kiếp sát, oán địch làm cho sợ hãi. Binh lính nơi khác, đói khát, chết yếu làm cho sợ hãi. Động đất, thú ác với các sự chết làm cho sợ hãi

Nguyện trừ diệt loài: ăn ác, nôn mửa ác, ảnh ác, nhìn ngó ác, làm Thu Yểm...

Nguyện trừ diệt loài: nhảy đập ác, đột nhiên ác, mạo phạm trái nghịch ác

Nguyện trừ diệt tất cả bệnh sốt rét: một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày cho đến nửa tháng, một tháng, hoặc lại nhiều ngày liên tiếp, hoặc lại phút chốc.... phát bệnh một lần, hoặc bệnh thường nóng sốt.

Nguyện trừ diệt tất cả: mụn nhọt, hắc bào, bệnh trĩ, bệnh lậu, ung thư, bệnh **Thiên Tà**, bệnh bứu cổ, Quỷ Thần, nóng sốt, trúng gió, vàng da, **đàm ảm** (Trong thân thể, nước dịch quá lượng chẳng tiêu hóa được, ngưng chảy hoặc chảy rỉ ra ở một bộ phận nào đó gây thành bệnh). Hoặc ba **tập bệnh**, 404 loại bệnh.

Nguyện trừ diệt bệnh: đau buốt đầu, đau buốt nửa đầu, ăn uống chẳng tiêu, đau mắt, đau tai, đau mũi, đau môi, đau miệng, đau gò má

Nguyện trừ diệt bệnh: đau răng nanh, đau buốt răng, đau lưỡi với đau cổ họng, đau ngực, đau hông sườn, đau lưng, đau tim, đau dạ dày.

Nguyện trừ diệt bệnh: đau eo lưng, đau bụng, đau bắp đùi, đau đầu gối, với đau tứ chi, đau nơi ẩn kín, với đau buốt khắp thân

Nguyệt trừ diệt chất độc của Rồng, chất độc của Rắn, chất độc của thuốc, chất độc của Chó, chất độc của Cộ My. Tất cả các chất độc thầy đều diệt hết

Tất cả Quỷ My, bệnh ác của nhóm như vậy, khi sinh thời đều ủng hộ cho con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc đều khiến cho giải thoát, sống lâu trăm tuổi.

Lại nữa A Nan ! Ông nên xưng niệm danh tự của các vị **Long Vương** (Nāgarāja). Nếu xưng tên Long Vương có Phước Đức của nhóm này sẽ được lợi ích lớn.

Các vị ấy tên là: **Phật Thế Tôn** Long Vương (**Buddho-bhagavān-nāgarāja**), **Phạm Thiên** Long Vương (Brahmā), **Đế Thích** Long Vương (Indra), **Diêm Ma** Long Vương (Yama), **Đại Hải** Long Vương (Samudra), **Hải Tử** Long Vương (Samudraputra), **Sa Nghiệt La** Long Vương (Sāgara), **Sa Nghiệt La Tử** Long Vương (Sāgaraputra), **Ma Kiệt** Long Vương (Makara), **Nan Đà** Long Vương (Nanda), **Ổ Ba Nan Đà** Long Vương (Upananda), **Na La** Long Vương (Nala), **Tiểu Na La** Long Vương (Upa-nala), **Thiện Kiến** Long Vương (Sudarśana), **Bà Tô Chỉ** Long Vương (Vāsuki), **Đức Xoa Ca** Long Vương (Takṣa), **A Lỗ Noa** Long Vương (Aruṇa), **Bà Lỗ Noa** Long Vương (Varuṇa), **Sur Tử** Long Vương (Siṃha), **Hữu Cát Tường** Long Vương (Śrīmā), **Cát Tường Nhân** Long Vương (Śrī-kaṇṭha), **Cát Tường Tăng Trưởng** Long Vương (Śrīvardhana), **Cát Tường Hiền** Long Vương (Śrī-bhadra), **Vô Úy** Long Vương (Abhayaṃ), **Đại Lực** Long Vương (Mahā-bala), **Thiết Lạp Bà** Long Vương (Śalabha), **Diệu Tỷ** Long Vương (Sabāhu), **Diệu Cao** Long Vương (Sumeru), **Nhật Quang** Long Vương (Sūrya-prabha), **Nguyệt Quang** Long Vương (Candra-prabha), **Đại Hồng** Long Vương, **Chấn Thanh** Long Vương (Gargaja), **Lôi Điện** Long Vương (Vidyotana), **Kích Phát** Long Vương (Sphoṭana), **Giáng Vũ** Long Vương (Varṣana), **Vô Cấu** Long Vương (Vimala), **Vô Cấu Quang** Long Vương (Vimala-prabha), **Át Lạc Ca Đầu** Long Vương (Alaka-sīrṣa), **Bạt Lạc Ca Đầu** Long Vương (Valaka-sīrṣa), **Mã Đầu** Long Vương (Aśva-sīrṣa), **Ngưu Đầu** Long Vương (Gavaya-sīrṣa), **Lộc Đầu** Long Vương (Mṛga-sīrṣa), **Tượng Đầu** Long Vương (Hasti-sīrṣa), **Thấp Lực** Long Vương, **Hoan Hỷ** Long Vương, **Kỳ Diệu** Long Vương (Citra), **Diệu Nhân** Long Vương (Citrākṣa), **Diệu Quân** Long Vương (Citra-sena), **Hộ Lỗ Noa** Long Vương, **Na Mẫu Chỉ** Long Vương (Namuci), **Mẫu Chỉ** Long Vương (Muci), **Mẫu Chỉ Lân Đà** Long Vương (Mucilinda), **La Sa Noa** Long Vương (Rāvaṇa), **La Cấp Bà** Long Vương (Raghava), **Thất Lý** Long Vương (Hari), **Sơn Cô** Long Vương (Girika), **Lạm Mẫu Lỗ** Long Vương (Lamburu), **Hữu Cổ** Long Vương (Krimi), **Vô Biên** Long Vương (Ananta), **Yết Nặc Ca** Long Vương (Kataka), **Tượng Yết Tha** Long Vương (Hastikataka), **Hoàng Sắc** Long Vương (Pīta), **Xích Sắc** Long Vương (Lohita), **Bạch Sắc** Long Vương (Śveta), **Y La Diệp** Long Vương (Elapatra), **Thương Khư** Long Vương (Śamkha), **A Bả La** Long Vương (Aparāla), **Hắc** Long Vương (Kāla), **Tiểu Hắc** Long Vương (Upakāla), **Lực Thiên** Long Vương (Bala-deva), **Na La Diên** Long Vương (Nārāyaṇa), **Kiểm Ma La** Long Vương (Kambala), **Thạch Bạc** Long Vương (Śaulabāhu), **Căng Già** Long Vương (Gaṅga), **Tín Độ** Long Vương (Sindhu), **Phộc Sô** Long Vương (Vakṣu), **Tỷ Đa** Long Vương (Sīlā), **Cát Khánh** Long Vương (Maṅgalya), **Vô Nhiệt Nảo Trì** Long Vương (Anavatapta), **Thiện Trụ** Long Vương (Supraṭiṣṭha), **Y La Bạt Noa** Long Vương (Airāvaṇa), **Trì Địa** Long Vương (Dharaṇīndhara), **Trì Sơn** Long Vương (Nimindhara), **Trì Quang Minh** Long Vương (Yutimdhara), **Hiền Thiện** Long Vương (Bhadra), **Cực Hiền Thiện** Long Vương (Subhadra), **Thế Hiền** Long Vương (Vasubhadra), **Lực Hiền** Long Vương (Bala-bhadra), **Bảo Châu** Long Vương

(Maṇi), **Châu Yên** Long Vương (Maṇi-kaṇṭha), **Nhị Hắc** Long Vương (Kālaka), **Nhị Hoàng** Long Vương (Pītaka), **Nhị Xích** Long Vương (Lohitaka), **Nhị Bạch** Long Vương (Śvetaka), **Hoa Man** Long Vương (Māli), **Xích Hoa Man** Long Vương (Rakta-māli), **Độc Tử** Long Vương (Vatsā), **Hiền Cú** Long Vương (Bhadrapada), **Cô Âm** Long Vương (Duṇḍubhi), **Tiểu Cô Âm** Long Vương (Upaduṇḍubhi), **Am Mật La Tân** Long Vương (Āmratīrthaka), **Bảo Tử** Long Vương (Maṇisuta), **Trì Quốc** Long Vương (Dhṛtarāṣṭra), **Tăng Trưởng** Long Vương (Virūḍhaka), **Quảng Mục** Long Vương (Virūpakṣa), **Đa Văn** Long Vương (Vaiśravaṇa), **Xa Diện** Long Vương (Śakaṭa-mukha), **Chiêm Tì Dã Ca** Long Vương (Cāmpēyaka), **Kiều Đáp Ma** Long Vương (Gautāma), **Bán Già La** Long Vương (Pañcāla), **Ngũ Kế** Long Vương (Pañca-cuḍa), **Quang Minh** Long Vương (Pradyummatama), **Tần Độ** Long Vương (Vindu), **Tiểu Tần Độ** Long Vương (Upavindu), **A Lực Ca** Long Vương (Alikā), **Yết Lực Ca** Long Vương (Kalikā), **Bạt Lực Ca** Long Vương (Valikā), **Khoáng Dã** Long Vương, **Khẩn Chất Ninh** Long Vương (Kincanī), **Khẩn Chất Ca** Long Vương (Kincadaka), **Tập Đà Ca** Long Vương (Kiccaka), **Hắc Kiêu Đáp Ma** Long Vương (Kṛṣṇa-gautama), **Tô Ma Na** Long Vương (Sumānuṣa), **Nhân** Long Vương (Manuṣa), **Căn Nhân** Long Vương (Mūla-manuṣa), **Thượng Nhân** Long Vương (Uttara-manuṣa), **Ma Đặng Ca** Long Vương (Mataṅga), **Mạn Noa Lạc Ca** Long Vương, **Phi Nhân** Long Vương (Amanuṣa), **Át Noa Ca** Long Vương (Aḍaka), **Tối Thắng** Long Vương (Uttama), **Nan Thắng** Long Vương, **Mật La Ca** Long Vương (Valluka), **A Lỗ Ca** Long Vương (Alluka), **Y La** Long Vương (Ela), **Y La Bát Noa** Long Vương (Elavara), **A La Bà Lộ** Long Vương (Aravāla), **Ma La Bà Lộ** Long Vương (Maravāla), **Ma Na Tư** Long Vương (Manasvi), **Yết Cú Trích Ca** Long Vương (Karkoṭaka), **Kiếp Bỉ La** Long Vương (Kapīla), **Thế Bà Lạc Ca** Long Vương (Śaivalaka), **Thanh Liên Hoa** Long Vương (Utpalaka), **Hữu Trảo** Long Vương (Nakkhaka), **Tăng Trưởng** Long Vương (Varddhana), **Giải Thoát** Long Vương (Mokṣaka), **Trí Tuệ** Long Vương (Buddhika), **Cực Giải Thoát** Long Vương (Pramokṣa), hai vị Long Vương **Mao Diễm Mã Thắng** (Kambarā-aśvatara), hai vị Long Vương **Y La Mê La** (Ela Mela), hai vị Long Vương **Nan Đà Bạt Nan Đà** (Nandopananda), **A Xi La** Long Vương (akṣila), **Đại Thiện Hiện** Long Vương (Mahā-sudarśana), **Biển Hắc** Long Vương, **Biển Trùng** Long Vương, **Diệu Diện** Long Vương (Sumukha), **Kính Diện** Long Vương (ādarśana-mukha), **Thừa Nghênh** Long Vương, **Hiền Đà** Long Vương (Gaṃdhāra), **Sư Tử Châu** Long Vương (Simhala), **Đạt Nhĩ Noa** Long Vương (Dramiḍa), **Nhị Hắc** Long Vương (Kṛṣṇa), **Nhị Bạch** Long Vương (Śuklaka), **Nhị Tiểu Bạch** Long Vương (Upaśuklaka).

Các vị Đại Long Vương của nhóm như vậy là bậc thượng Thủ với chủng loại quyền thuộc ở Đại Địa này. Hoặc khi sét đánh tựa như tiếng vang dội lại (chấn hưởng), hoặc phóng ánh sáng, hoặc tuôn mưa ngọt làm cho lúa mạ tươi tốt. Đã từng gặp Đức Như Lai, ba Quy Y kèm thọ nhận **Học Xứ**, đoạt sự sợ hãi của Kim Sí Điều, lia cát lửa, miễn sự sợ hãi phục dịch vua chúa, thường giữ gìn Đại Địa, chống giữ cung điện báu to lớn, thọ mệnh lâu dài, có thế lực lớn, giàu có tự tại, vô lượng quyền thuộc đầy đủ Thần Thông, hay nghiền nát oán địch, có ánh sáng lớn, hình sắc viên mãn, danh tiếng vang khắp. Khi hàng Trời chiến đấu với A Tu La thời trợ sức Uy Thần khiến cho hàng Trời được thắng.

Hết thầy con cháu, anh em, quân tướng, đại thần, tôi tớ của các vị Long Vương ấy, đều dùng **Phật Mẫu Đại Khổng Tước Minh Vương Chân Ngôn** này thủ hộ cho con (họ tên...) kèm với các quyền thuộc, khiến lia ưu khổ, thọ mệnh trăm năm

Con với quyền thuộc: hoặc thanh tịnh, hoặc chẳng thanh tịnh, hoặc mê luyến, hoặc phóng dật. Hoặc đi, đứng, ngồi, nằm. Hoặc ngủ, thức, đi, lại...trong tất cả Thời, nguyên đều ủng hộ chúng con

Hoặc bị **hàng Trời** làm cho sợ hãi, **A Tô La** làm cho sợ hãi, **loài Ma** làm cho sợ hãi, **Ma Lỗ Đa** làm cho sợ hãi, **Nga Lỗ Noa** làm cho sợ hãi, **Ngạn Đạt Phộc** làm cho sợ hãi, **Khẩn Na La** làm cho sợ hãi, **Ma Hộ La Nga** làm cho sợ hãi, **Dược Xoa** làm cho sợ hãi, **La Sát Sa** làm cho sợ hãi, **Tất Lệ Đa** làm cho sợ hãi, **Tỳ Xá Già** làm cho sợ hãi, **Bộ Đa** làm cho sợ hãi, **Củ Bạ Noa** làm cho sợ hãi, **Bồ Đan Na** làm cho sợ hãi, **Yết Tra Bồ Đan Na** làm cho sợ hãi, **Tắc Khiên Na** làm cho sợ hãi, **Ốt Ma Na** làm cho sợ hãi, **Xa Gia** làm cho sợ hãi, **A Bát Sa Ma La** làm cho sợ hãi, **Ổ Sa Đá La Ca** làm cho sợ hãi...thầy đều xa lìa nhóm làm cho sợ hãi như vậy.

Lại có các sự sợ hãi: Vua chúa làm cho sợ hãi, giặc cướp làm cho sợ hãi, nhóm nước lửa làm cho sợ hãi. Nhóm bạn ác, Kiếp Sát, oán địch làm cho sợ hãi, hoặc binh lính nơi khác làm cho sợ hãi, gặp nạn đói khát làm cho sợ hãi, chết yểu làm cho sợ hãi, đất chấn động làm cho sợ hãi, các thú ác làm cho sợ hãi, Hết thấy thấy cả lúc sợ hãi thời khiến cho con (họ tên..) kèm các quyền thuộc thầy đều giải thoát.

__ Lại nói **Già Tha** rằng:

“Khiến con, đêm an ổn
Ban ngày cũng tốt lành
Ở trong tất cả Thời
Chư Phật thường hộ niệm”

“**Nam mô tốt-đổ mẫu đà dã. Nam mô tốt-đổ mạo đà duệ. Nam mô tốt-đổ mục cật-ta dã. Nam mô tốt-đổ mục cật đa duệ. Nam mô tốt-đổ phiến đa dã. Nam mô tốt-đổ phiến đa duệ. Nam mô tốt-đổ vĩ mục cật-ta dã. Nam mô tốt-đổ vĩ mục cật đa duệ**”.

ॐ नमो बुद्धाय ॐ नमो बुद्धाय ॐ नमो मुक्तये ॐ नमो मुक्तये ॐ नमो मुक्ति ॐ नमो मुक्ति ॐ नमो मुक्ति ॐ नमो मुक्ति ॐ नमो मुक्ति ॐ नमो मुक्ति

Namostu buddhāya
Namostu buddhāye
Namostu muktāya
Namostu muktāye
Namostu śāntāya
Namostu śāntāye
Namostu vimuktāya
Namostu vimuktāye

__ Các Bà La Môn có Tịnh Hạnh
Hay trừ tất cả các nghiệp ác
Như vậy chúng con xin quy y
Ủng hộ thân con với quyền thuộc.

__ Trời, Rồng, A Tu La, Dược xoa
Đến lắng nghe Pháp, nên chí Tâm
Ủng hộ Phật Pháp mãi trường tồn
Mỗi mỗi siêng hành **Thế Tôn Giáo**
__ Hết thấy Hữu Tình đến chốn này
Hoặc trên đất bằng, hoặc hư không
Thường đối người đời khởi Tâm **Từ**

Ngày đêm tự mình nương Pháp trụ
_ Nguyên các Thế Giới thường an ổn
Vô biên Phước Trí, lợi quần sinh
Hết thảy nghiệp tội đều tiêu trừ
Xa lìa mọi khổ, về Viên Tịch
_ Luôn dùng **hương Giới** xoa vóc sáng
Thường khoác **áo Định** để nghiêm thân
Hoa diệu Bồ Đề trang nghiêm khắp
Tùy theo chỗ ở, thường an vui.

KINH PHẬT MÃU ĐẠI KHỔNG TƯỚNG MINH VƯƠNG
QUYÊN TRUNG (Hết)